

HIỆN TRẠNG CÔNG VIỆC VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NỮ NHẬP CƯ LÀM GIÚP VIỆC NHÀ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐÀO BÍCH HÀ¹

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dấu mốc lịch sử của năm 1975 đã chính thức đưa Việt Nam bước qua một trang lịch sử mới. Tuy nhiên, những đổi thay chỉ trở nên rõ nét từ sau năm 1986, khi Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ đổi mới cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Một trong những bằng chứng của sự thay đổi này chính là làn sóng di cư khổng lồ từ làng quê nông thôn vào các khu vực thành thị như Hà Nội, Hải Phòng và đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh. Vì những nơi này có nhu cầu rất cao về lao động phổ thông, tay nghề thấp với đồng lương rẻ mạt. Theo như thống kê năm 2000, thì riêng Thành Phố Hồ Chí Minh đã chứa khoảng 29% dân nhập cư từ nông thôn ra thành thị. Và theo một thống kê khác thì cứ 100 nữ di cư mới có khoảng 76 nam di cư ra thành thị. Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, số dân di cư là nữ chiếm 54.4% (Long và cộng sự, 2000). Nhóm nữ di cư này thường làm 2 công việc chính: công nhân ở các xí nghiệp và giúp việc nhà.

Đa số các nghiên cứu hiện có chỉ tập trung tìm hiểu những phụ nữ làm công nhân mà bỏ quên đi một số lượng lớn những người phụ nữ di cư đang làm công việc giúp việc nhà. Còn truyền thông đại chúng thì lại có nhiều tin và bài khắc họa những người giúp việc như những kẻ trộm chuyên nghiệp khi thường lấy cắp tiền của chủ và bỏ trốn. Vậy tại sao nhu cầu về người giúp việc vẫn ngày càng tăng cao? Và điều này có nghĩa là, công việc giúp việc vẫn chưa được hiểu và quan tâm đúng mức.

Để có thể hiểu hơn về công việc cũng như đời sống của những người phụ nữ di cư làm giúp việc nhà, nghiên cứu của chúng tôi tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 tập trung nghiên cứu vào 3 vấn đề:

1. Những kinh nghiệm sống và làm việc của người giúp việc nhà và điều gì đã khiến những người phụ nữ nông thôn đến với công việc này.
2. Những chuyển di cư và đời sống đô thị đã thay đổi những người phụ nữ nông thôn này như thế nào?
3. Cuối cùng là những người phụ nữ di cư ngược xuôi từ nông thôn ra thành thị giữ vai trò như thế nào trong việc đóng góp và phát triển làng quê của họ?

Tuy nhiên, do giới hạn của bài viết, ở đây chỉ trình bày hiện trạng đời sống và công việc của nữ di cư làm giúp việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Để từ đó giúp mọi người hiểu được sự thiệt thòi cũng như tình trạng dễ tổn thương của đối tượng này.

¹ ThS, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

II. CÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ ĐỀ

Hiện nay trong nước có ít nghiên cứu về người giúp việc. Đa số các nghiên cứu, đặc biệt nghiên cứu về di dân từ nông thôn ra thành thị chỉ nhắc tới công việc này như một sự lựa chọn phổ biến của nữ di cư. Còn truyền thông đại chúng thì như được nhắc tới ở trên, đã vô tình tạo ra một ấn tượng sai lệch cho đại chúng về hình ảnh người giúp việc.

Ở một số nước phát triển như Philipin, Ả Rập Xêút, đã có những nghiên cứu về đời sống và công việc của người giúp việc. Tuy nhiên các nghiên cứu này lại tập trung đến đối tượng là những người giúp việc đến từ các nước thứ ba qua con đường xuất khẩu lao động. Còn ở Mỹ, tuy số lượng nghiên cứu chưa nhiều, nhưng nói chung đối tượng này cũng đã được quan tâm và tìm hiểu. Đã có một số trung tâm giúp đỡ người giúp việc về mặt pháp lí (như tư vấn làm hợp đồng hay miễn phí luật sư trong các vụ kiện cáo với chủ).

Một điểm chung của các nghiên cứu trên là dù ở đâu, trong nền văn hóa, xã hội, kinh tế nào thì người giúp việc luôn gặp nhiều khó khăn trong công việc và đời sống. Bản thân họ và nghề giúp việc luôn bị coi thường và không được nhận sự bảo vệ chính thức từ luật pháp. Điều này rõ ràng là không công bằng và đã đặt họ vào một tình trạng thua kém và dễ bị tổn thương so với những nghề nghiệp khác.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu được đúc kết từ 15 cuộc phỏng vấn sâu. Thời lượng mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài khoảng 2 giờ cho 25 câu hỏi mở. Tuy nhiên số lượng câu hỏi có thể được rút ngắn hay mở rộng tùy theo từng cuộc phỏng vấn. Đối tượng phỏng vấn được tìm bằng phương pháp “quả tuyết lăn” bắt đầu từ những quen biết có sẵn. Các đối tượng được chọn phải có một số đặc điểm như sau: trên 18 tuổi, là người di cư từ nông thôn ra thành phố Hồ Chí Minh; đang làm công việc giúp việc nhà ít nhất 1 tháng cho đến thời điểm phỏng vấn. Tất cả cuộc phỏng vấn được ghi âm, ra băng, phân tích theo phương pháp định tính.

Bên cạnh các cuộc phỏng vấn chính thức, còn có rất nhiều phỏng vấn bán chính thức với người giúp việc và người chủ.

Lí do chọn phương pháp phỏng vấn sâu cho đề tài này vì có một số vấn đề nhạy cảm, riêng tư sẽ không thể dễ dàng đạt được bằng một bảng hỏi cứng nhắc theo mẫu. Mà ngược lại một cuộc nói chuyện, với sự lắng nghe trong nhiều trường hợp sẽ giúp chúng ta thu được rất nhiều thông tin hơn. Thật khó để hỏi về cảm xúc, suy nghĩ, dự định của người giúp việc bằng bảng hỏi. Và cũng thật khó để có thể trả lời chính xác câu hỏi này qua những từ, những câu ngắn gọn.

IV. KẾT QUẢ

1. Công việc giúp việc nhà là một minh chứng trong sự phân chia nghề nghiệp theo giới. Hay nói cách khác đây là công việc của phụ nữ và đặc biệt là của phụ nữ di cư

Trong 15 người được phỏng vấn thì có 14 người sống cùng gia chủ và một người tự thuê nhà. Họ có nhiều điểm chung. Ví dụ: đều là những nữ thanh niên trẻ hoặc là goá phụ, những người mẹ độc thân nuôi con một mình. Trình độ học vấn của họ nhìn chung là khá thấp, phổ biến là THCS. Công việc ở quê của họ đa số liên quan đến những hoạt động nông nghiệp. Những người giúp việc nhà đã giải thích rằng: “chỉ những người không có học như chúng em mới chịu làm công việc này.” Hoặc “tôi chỉ biết làm công việc này, vì tôi đã thường xuyên phải nấu cơm giặt giũ ở nhà”. Hoặc “hầu như tất cả các chủ đều muốn thuê những người đứng tuổi độc thân hoặc những người trẻ chưa có gia đình. Vì chỉ họ mới có thể toàn tâm toàn ý phục vụ cho chủ”. Tất cả những điều trên gợi một ấn tượng rằng dường như việc càng ít ràng buộc gắn kết bởi trách nhiệm với gia đình và nghĩa vụ làm mẹ là một yêu cầu đầu tiên để trở thành một người giúp việc nhà.

Cần nói thêm rằng mặc dù di cư là một quyết định mang tính cá nhân nhưng những người phụ nữ nông thôn không có nhiều lựa chọn trong việc làm ở chốn thành thị ngoài những công việc như lau chùi, quét dọn vốn đã được coi là thích hợp với phụ nữ. Chính điều này đã khiến công việc giúp việc nhà không còn mang tính lựa chọn mà là một công việc mang tính ép buộc. Những người giúp việc làm công việc này không phải vì họ thực sự yêu thích nó mà là vì các khó khăn kinh tế cũng như các áp lực khác ở quê nhà đẩy họ đến với nghề này.

2. Những nguyên nhân dẫn đến việc di cư

Nguyên nhân để dẫn đến quyết định di cư là sự kết hợp của rất nhiều yếu tố có liên quan. Trong đó, sự khó khăn về kinh tế mà người phụ nữ di cư phải đối mặt ở quê nhà đóng vai trò chính. Sự khó khăn này chủ yếu liên quan đến những công việc làm nông khi đất canh tác bị thu hẹp, nông sản mất giá, mùa màng luôn bị thiên tai đe dọa... Và nó dường như tăng lên gấp bội đối với những người phụ nữ mà gia đình họ thiếu vắng người đàn ông. Tuy những người phụ nữ này đã cố gắng buôn bán thêm ở chợ bên cạnh làm nông nghiệp nhưng họ vẫn không thể đảm bảo những nhu cầu thiết yếu cho gia đình mình. Chính vì vậy, di cư ra thành thị để tìm kiếm việc làm như một giải pháp duy nhất.

“Làm nông rất là cực khổ đặc biệt là đối với người mẹ độc thân như tôi. Phụ nữ không thể làm đồng một mình được. Mà làm nông thì chỉ tiết kiệm được một ít. Mà tôi thì cần một khoản tiền lớn để sửa nhà, nhà tôi cũ quá rồi. Tôi cũng cần tiền để cho con tôi đi học nữa.”

Một số người giúp việc nhắc đến yếu tố thiếu việc làm ở quê như một nguyên nhân khiến họ di cư. Một số khác thì thể hiện ước nguyện đi xa để tìm hiểu cũng như khám phá một nơi mới, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh - thành phố lớn nhất nước.

Ngoài ra những người giúp việc trẻ cũng mong muốn kiếm được tiền để chứng tỏ sự độc lập và khả năng đứng vững trong cuộc đời của mình.

Bên cạnh tất cả những nguyên nhân đã được đề cập thì mong muốn thoát khỏi sự kìm hãm của những qui định tập quán cũng đã được nhắc tới. Cụ thể là một người giúp việc đã phải chạy vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc để không phải lấy chồng sớm theo sự bắt buộc của bố mình.

Nói tóm lại, quyết định di cư là kết quả của sự kết hợp nhiều yếu tố. Tuy nhiên, yếu tố kinh tế là chiếm vai trò chủ đạo.

3. Kinh nghiệm làm việc và cuộc sống thành thị của người giúp việc

Có đến 11/15 số người được hỏi nhìn nhận công việc giúp việc nhà là khá nhẹ nhàng so với công việc làm nông ở quê. Tuy nhiên, hầu hết họ cho rằng giúp việc nhà cũng có những khó khăn riêng của nó. Một trong số đó là sự kéo dài vô tận và liên tục của những nhiệm vụ mà người giúp việc phải hoàn thành trong một ngày, như lau chùi, quét dọn, giặt quần áo, nấu cơm, chăm sóc em bé... Điều này không giống như làm nông, khi mỗi ngày họ chỉ cần làm và hoàn tất một khâu trong vụ mùa. Những công việc giúp việc nhà thường đơn giản vì khá giống với những gì nữ di cư thường làm ở quê nhà. Tuy nhiên, để hoàn thành tốt những công việc được giao thì một người giúp việc cũng cần phải có một số đức tính như chăm chỉ, sạch sẽ, biết làm một cách hợp lí. Một số người được phỏng vấn đã tự hào và nói về những đức tính này của mình. Họ cũng chê những người giúp việc khác là không sạch sẽ và không nhanh nhẹn. Và việc “tự khen” này dường như một nỗ lực không ngừng của người phụ nữ di cư để nâng cao vị thế công việc mà mình đang làm trong con mắt xã hội.

Được hỏi về những khó khăn mà người giúp việc gặp phải, hầu hết phàn nàn về thời gian làm việc rất dài. Thường thường, một ngày làm việc của họ bắt đầu từ 5:30-6:00 sáng và kết thúc lúc 9-10h đêm. Một số ít làm việc 24/24 vì phải luôn sẵn sàng, ngay cả khi ngủ để có thể đáp ứng mọi yêu cầu của gia chủ. Với số giờ làm việc như thế là quá dài so với qui định của luật lao động Việt Nam (40 - 45 giờ/tuần). Hầu hết những nữ giúp việc nhà ở với gia chủ thì không có ngày nghỉ trong tuần. Họ thậm chí không biết đến lễ tết. Chúng ta có thể thấy rõ hơn qua lời kể sau đây của một nữ giúp việc:

“Chủ tôi làm việc trễ. Mà sau khi đi làm xong, ông thường đi uống rượu. Một tuần có 4 - 5 lần ông đi như vậy. Mà mỗi lần đi phải đến 2h sáng thì ông mới về. Thế là tôi cứ phải thức chờ ông. Tôi sợ rằng nếu mình ngủ mà ông gọi không dậy được thì bị la. Thức khuya như thế mà sáng hôm sau có được ngủ bù đâu. 6h sáng lại phải làm rồi. Nên tôi thấy rất mệt.”

Rõ ràng, người giúp việc đặc biệt là những người ở với gia chủ có rất ít thời gian dành cho bản thân. Thời gian trong ngày của họ bị kiểm soát thường xuyên bởi gia chủ. Nhưng, không phải ai trong số họ cũng chấp nhận việc này một cách thụ động. Một số

người đã cố gắng giành lại chút thời gian cho mình. Một người đã nói: “Thật khó để xin chủ tôi nghỉ. Và thường thì chủ tôi cũng chẳng khi nào tự động cho tôi nghỉ cho dù đó là ngày lễ tết. Tôi chỉ được nghỉ khi tôi lên tiếng. Vì thế nếu có việc gì cần tôi luôn xin phép chủ nghỉ. Tôi cũng như mọi người, cần thời gian cho bản thân và những việc khác nữa.”

Khó khăn thứ hai được nhắc đến nhiều chính là cảm giác gò bó khi phải sống với gia chủ. Đa số người giúp việc không có phòng riêng cũng như không gian riêng tư tối thiểu. Họ thường bị ép phải chia sẻ không gian của mình với những người khác (ví dụ ở chung phòng với người giúp việc khác hay ở chung phòng với em bé hay người lớn tuổi mà họ chịu trách nhiệm chăm sóc). Một số ít có không gian riêng nhưng không gian này sẽ bị tận dụng đầu tiên nếu gia chủ cần đến.

Sự kiểm soát của gia chủ trong mọi hoạt động cũng làm người giúp việc không có sự thoải mái. Nhiều người được hỏi đã nhấn mạnh rằng chỉ khi nào họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có được sự tin tưởng của chủ thì lúc đó sự kiểm soát mới được nói lỏng. Mà để đạt được điều này thì thường cũng phải mất từ vài tháng đến vài năm. Tuy nhiên, dù trong trường hợp nào thì người giúp việc luôn phải tuân thủ theo những qui định và chỉ dẫn của gia chủ.

13/15 người được hỏi đã nhắc đến sự thiếu tự do như một trong những yếu tố khó khăn nhất của người làm công việc giúp việc nhà. Rất nhiều người đã tâm sự: “Tôi rất hiếm khi đi ra ngoài vì chủ tôi không thích thế.” Hay “tôi được phép nhưng tôi biết rằng tôi không nên sử dụng điện thoại của chủ để liên lạc với người thân”.

Một trong những sự thật hiển nhiên mà cũng là nỗi khó khăn nhất mà người nữ di cư phải chấp nhận chính là sự xa cách gia đình, con cái và quê hương cả về không gian lẫn thời gian. Những phụ nữ này luôn cảm thấy tội lỗi và hối hận khi không thể chăm sóc con cái và gia đình mình. Một số người thậm chí còn không thể giữ những mối liên hệ xã hội với bè bạn, người thân, đồng hương là những người đang sống làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh hay các tỉnh lân cận (vì chi phí vận chuyển tốn kém, thời gian làm việc kéo dài cũng như sự không thoải mái của chủ). Một người giúp việc đã chia sẻ: “Tôi đến đây đã hơn 4 tháng nhưng tôi vẫn chưa thể đi được đâu. Tôi chỉ ở nhà. Mà chủ tôi cũng ít khi ra ngoài nên tôi nghĩ tốt hơn là tôi cũng nên ở nhà.” Một thực tế là tuy nữ giúp việc cũng rất ít đi đâu đó, nhưng mỗi khi có việc cần đi thì đa số trường hợp xin phép gia chủ đều được chấp thuận. Thậm chí rất nhiều người còn được nhận tiền bạc, quà cáp cho các chuyến đi này. Ngoài ra, những nữ di cư cũng cảm thấy khó khăn để tìm kiếm và tạo ra những mối quan hệ xã hội mới ở thành thị bởi lối sống ở đây rất khác với lối sống ở quê. Một người nói: “Dân ở đây rất khác so với dân làng tôi. Họ sống quá khép kín. Nhà nào đóng cửa im lìm nhà nấy. Tôi không có cơ hội để nói chuyện với bất cứ ai.” Tất cả những ghi chú ở trên cho chúng ta thấy rằng nữ di cư làm giúp việc nhà, đặc biệt là những người sống với gia chủ luôn bị giới hạn với các mối quan hệ xã hội và luôn cảm thấy như một kẻ ngoại lai khi sống và làm việc tại thành phố.

Ở đề tài này, sự phát hiện về mối quan hệ với chủ nhà là rất quan trọng. Đa số họ, cả chủ và người giúp việc đều coi nhau như những thành viên trong gia đình. Không ít người dùng những xưng hô rất thân thiết với nhau như chị - em, cô - cháu, dì - cháu, mẹ - con... Cụ thể là rất nhiều người giúp việc đã được chủ chăm sóc cẩn thận khi bị ốm. Họ cũng đã nhận được sự hỗ trợ của chủ cho việc học hành. Và mỗi khi cư xử hay làm một điều gì đó sai, những nữ giúp việc này đều được chủ nhắc nhở, dạy dỗ. Những người giúp việc coi đây như những gì mà người thân trong gia đình làm với nhau. Chính vì vậy, để đền đáp, họ luôn lắng nghe, tôn trọng và phục tùng chủ. Họ luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình giống như hoàn thành tốt trách nhiệm của một người “con gái”, “cháu gái”, “em gái” trong gia đình mặc cho đồng lương có ít ỏi. Nhiều người đã tâm sự rằng họ làm việc không phải vì đồng tiền. Vì nếu vì đồng tiền, thì họ đã kiếm công việc khác, ở một nơi khác có đồng lương cao hơn. Một người chia sẻ:

“Chủ cũ của tôi rất tốt. Chị đối xử với tôi như với một người em gái. Chúng tôi ăn cùng nhau. Cùng nhau ra công viên tập thể dục mỗi tối. Chị giống như một người chị cả trong gia đình. Mà còn tốt hơn chị ruột của tôi nữa. Vì thế, mặc dù tôi chỉ được nhận khoảng 700.000 đ/tháng so với 1.200.000 đ tháng ở đây, tôi vẫn thích được làm ở nơi cũ hơn.

Sau một thời gian chung sống, việc nảy sinh tình cảm và trách nhiệm với nhau là điều có thể hiểu được. Nhất là đối với nữ di cư khi họ phải xa gia đình, con cái và thực sự cần một tình cảm để che lấp cho sự cô đơn lẻ loi. Tuy nhiên, mối quan hệ gia đình như được nêu ở trên vẫn không đủ mạnh để xóa đi mối quan hệ chủ - tớ cũng như vị trí xã hội của họ. Người chủ lúc nào cũng có quyền thế hơn nữ giúp việc. Chúng ta có thể thấy rằng, trong mối quan hệ, người chủ luôn đóng vai diễn của một người lớn và coi người giúp việc là chưa trưởng thành, và vì thế họ cần phải được hướng dẫn. Thậm chí người chủ sẵn sàng ngăn cản người giúp việc thực hiện những điều mà họ mong muốn vì cho rằng nó là không đúng đắn, chính xác. Ví dụ: nhiều người chủ đã cấm đoán nữ giúp việc quen bạn khác giới. Và vì thế, cuối cùng, nhiều người giúp việc chia sẻ là: “sau nhiều năm làm việc, tôi vẫn biết rằng mình không thực sự là một người con, một người em gái trong gia đình này.” Hay “tôi biết, đây không thực sự là gia đình của tôi.”

Với nghiên cứu này, chưa có bằng chứng nào về sự bạo hành cũng như xâm hại tình dục giữa chủ nhà và người giúp việc. Mặc dù, những lời nhắc nhở, la mắng từ chủ là một điều khá phổ biến trong đời sống hằng ngày của người giúp việc. Song hầu hết số người được hỏi đều cho rằng cuộc sống và công việc của người giúp việc hiện nay là tốt hơn so với trước đây của họ. Nhiều người thường xuyên dùng cơm và ăn thức ăn chung với chủ. Đây là một điều rất hiếm so với thời đại trước. Đặc biệt, nhiều người được hỏi cho biết họ không hoàn toàn ở thế bị động trong mối quan hệ với chủ. 6/15 ý kiến cho rằng sẵn sàng nhắc nhở chủ khi chủ làm sai điều gì đó. Hơn thế nữa, một số người giúp việc đã nhấn mạnh việc tận dụng sự sơ hở của hợp đồng miệng để nghỉ việc khi không còn có thể chịu đựng sự căng thẳng cả về vật chất và

ting thần trong công việc. Một số khác thì nêu rõ “hiện nay rất nhiều nơi cần người giúp việc. Cả chủ và tớ cần có nhau. Vì vậy họ cần phải tôn trọng lẫn nhau.” Rõ ràng việc hòa nhập vào cuộc sống thành thị cũng như hiểu được nhu cầu của xã hội hiện nay về người giúp việc đã giúp họ phần nào đạt được sự độc lập và khẳng định vị thế của mình.

Tất cả người được phỏng vấn đều thể hiện tính trách nhiệm đối với công việc và gia chủ. Họ nói rằng họ luôn cố gắng hết mình để hoàn thành những nhiệm vụ được giao. Họ cũng cho biết, chỉ có những tình huống xấu nhất mới khiến họ nghỉ việc, vì nếu nghỉ việc thì ai sẽ nuôi bản thân họ cũng như gia đình và con cái ở quê. Ngoài ra, xuất phát từ tình yêu thương và sự trung thành dành cho chủ mà nhiều người giúp việc đã từ chối những công việc tốt hơn để tiếp tục làm ở nơi mà họ đã gắn bó. Nhưng để có thể tiếp tục công việc, họ mong muốn có được một sự đảm bảo cho cuộc sống về mặt dài lâu.

Đa số người giúp việc chỉ làm việc dựa trên hợp đồng miệng. Điều này, về mặt pháp lí, khó có thể đảm bảo cho họ điều gì nếu có khúc mắc xảy ra với chủ. Mặt khác, đa số người giúp việc không được đăng kí tạm trú ở nơi mà họ làm việc. Họ hiện hữu mà như vô hình với chính quyền địa phương. Chính yếu tố này đã gây cho họ nhiều khó khăn trong vị thế của một người ngoại cư. Ngoài ra, hiện nay, người giúp việc thường làm mà không có ngày phép năm, phép ốm, không được hỗ trợ khi sinh con, không có trợ cấp nghỉ việc, không có bảo hiểm khám và chữa bệnh và tất nhiên là không có lương hưu. Đây là kết quả của sự thiếu kiến thức về luật lao động của người giúp việc cũng như sự thiếu quan tâm của gia chủ và chính quyền với nghề giúp việc nhà. Điều này khiến người giúp việc bị đẩy vào một tình trạng khó khăn và dễ tổn thương.

V. KẾT LUẬN

Bài viết này muốn nhấn mạnh rằng, nữ di cư làm công việc giúp việc đang đối mặt với rất nhiều khó khăn cả về mặt vật chất và tình cảm. Tuy mối quan hệ giữa chủ nhà và người giúp việc nói chung được người giúp việc đánh giá là mang tính tích cực, nhưng nó vẫn không thể tạo ra điều kiện làm việc tốt hơn cũng như khẳng định vị trí xã hội của họ. Chúng ta cần nhìn nhận rằng, công việc giúp việc nhà vẫn “vô hình” mặc cho chúng đang tạo ra giá trị “thu nhập” và đóng góp vào nền kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo

1. Cu, L. C. (2005). Rural to urban migration in Vietnam. *ASEDP*, 71, 115-143.
2. Dang, A. N. (2003). Internal Migration Policies in the ESCAP Region. *Asia-Pacific Population Journal*, 37, 27-40.
3. Hardill, I. (2002). *Gender, migration and the dual career household*. London and New York: Routledge.
4. Jones, G. W. (1984). *Women in the urban and industrial workforce: Southeast and East Asia*. Canberra, Australia-Honolulu, Hawaii: Australian National University; Distributed by University of Hawaii Press.
5. Thai, D. T. N., Nguyen, N. X., Nguyen, H. T. T., Nguyen, N. T., & Loughry, M. (2006). Female rural migrant workers in the informal sector in Hochiminh